

Ngày	10,600 VNĐ		
31/03/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	12.8%	17.1%	-15.5%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	7,350 - 14,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	198
Số lượng CPLH (CP)	18,711,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	50,645
Sở hữu nước ngoài	2.7%
Beta	0.90
EPS	791
P/E	13.4

DT thuần

Q1/24

492

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 492| 119974%

YoY: ▲ 482| 4774%

LN trước thuế

Q1/24

12.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 6.30| 107%

YoY: ▲ 10.4| 590%

LN sau thuế

Q1/24

8.74

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 3.99| 84.1%

YoY: ▲ 7.33| 520%

ROA

2023

1.0%

+/- YoY: ▼ 11.7%

DT thuần

2023

29.5

tỷ VNĐ

YoY: ▼1,357| -97.9%

LN trước thuế

2023

9.04

tỷ VNĐ

YoY: ▼35.1| -79.5%

LN sau thuế

2023

7.18

tỷ VNĐ

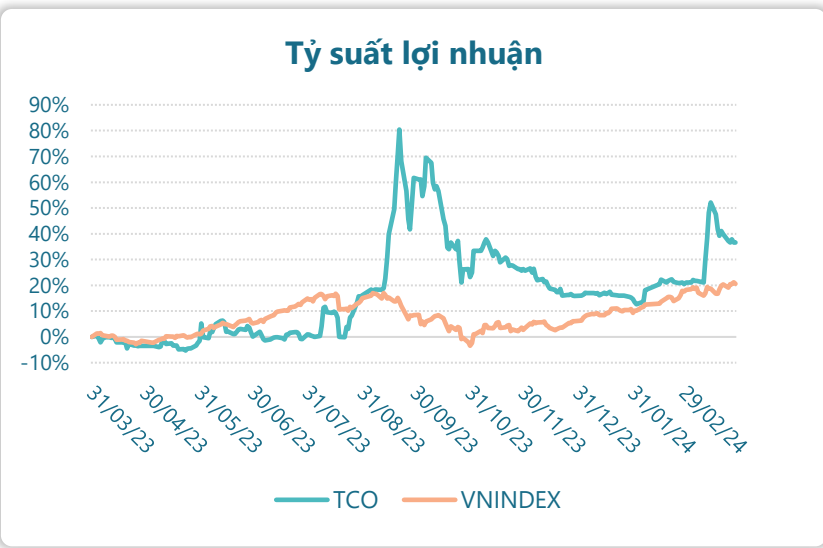
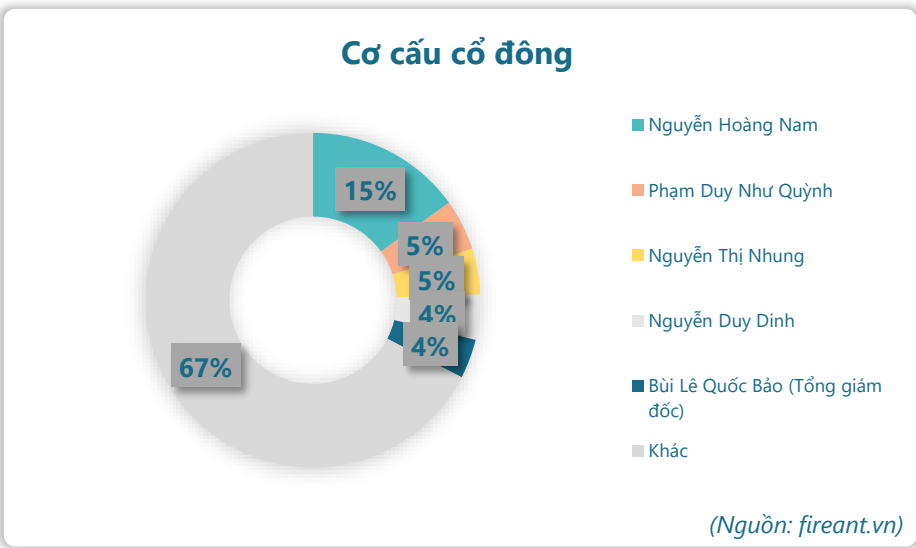
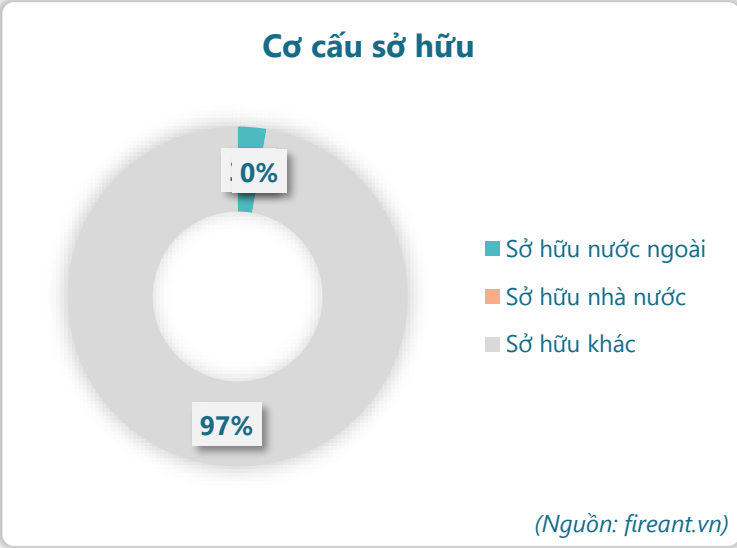
YoY: ▼33.9| -82.5%

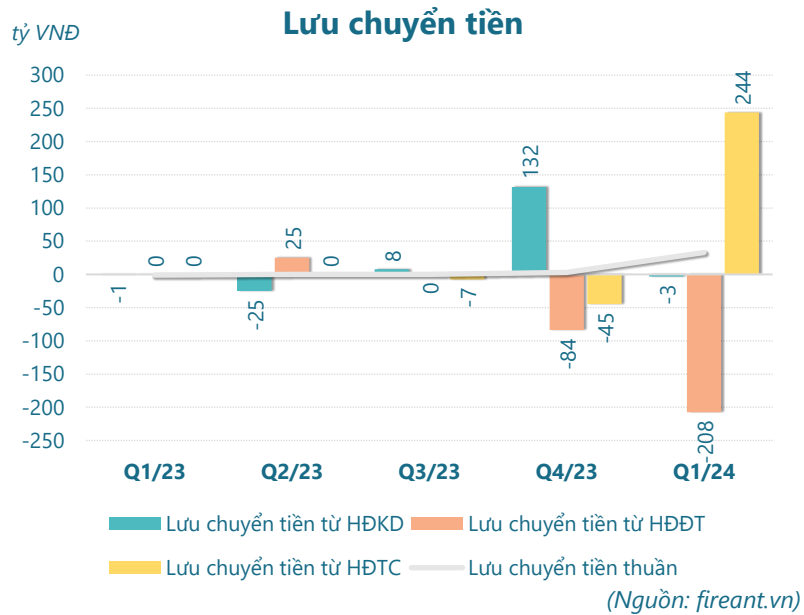
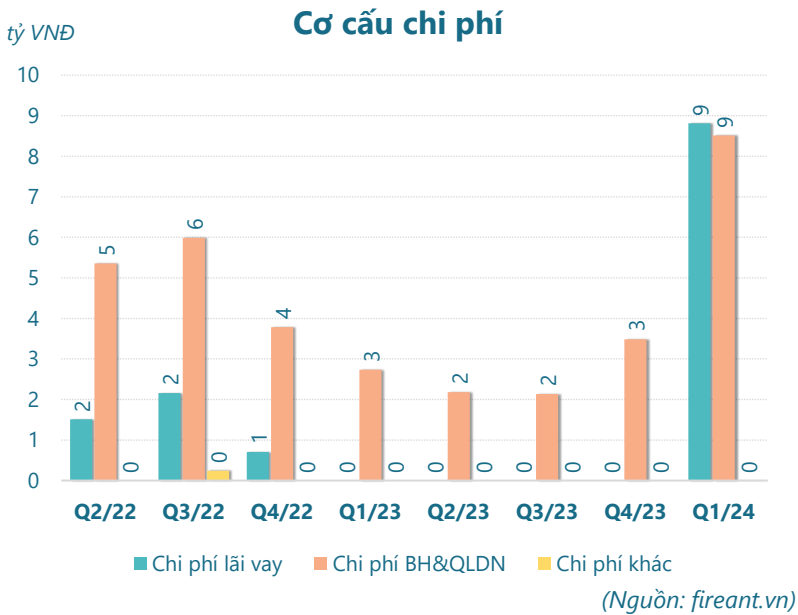
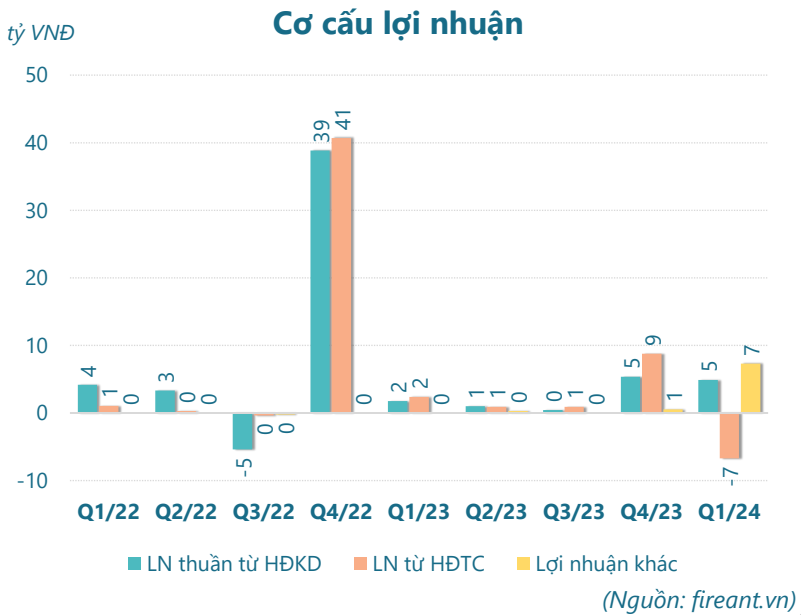
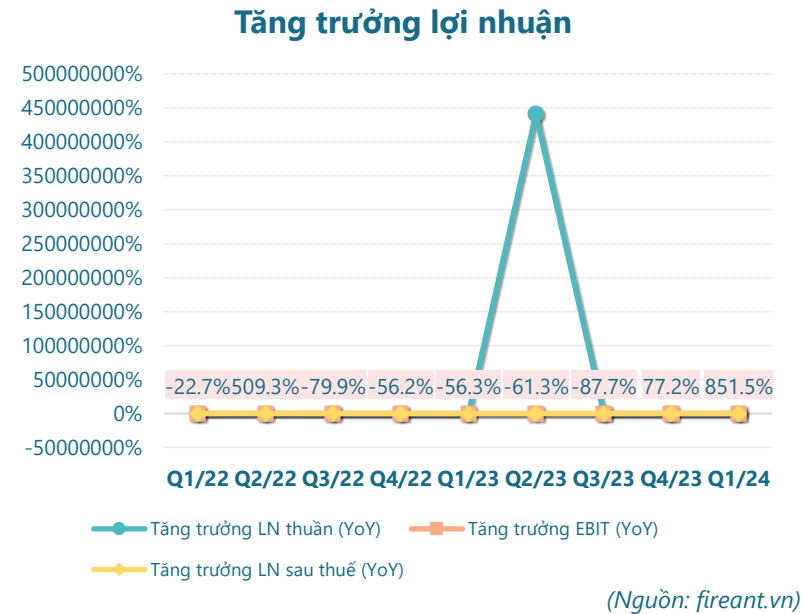
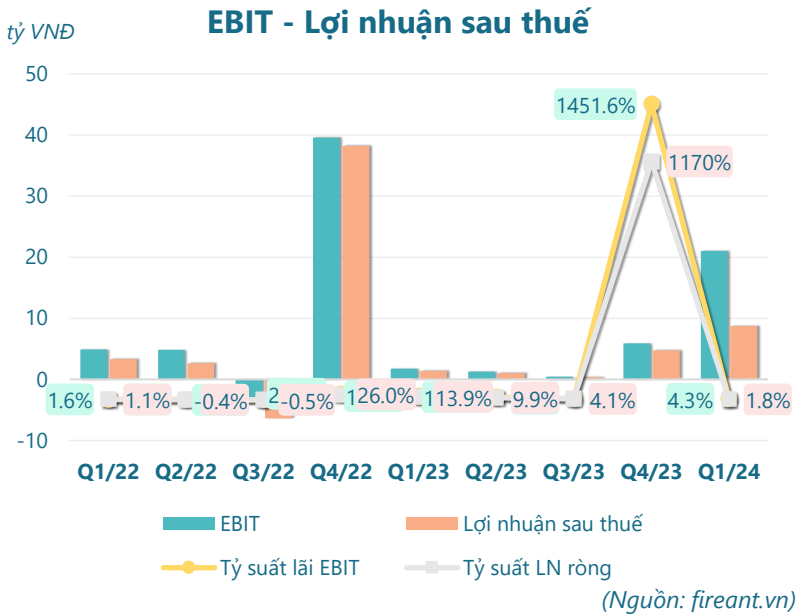
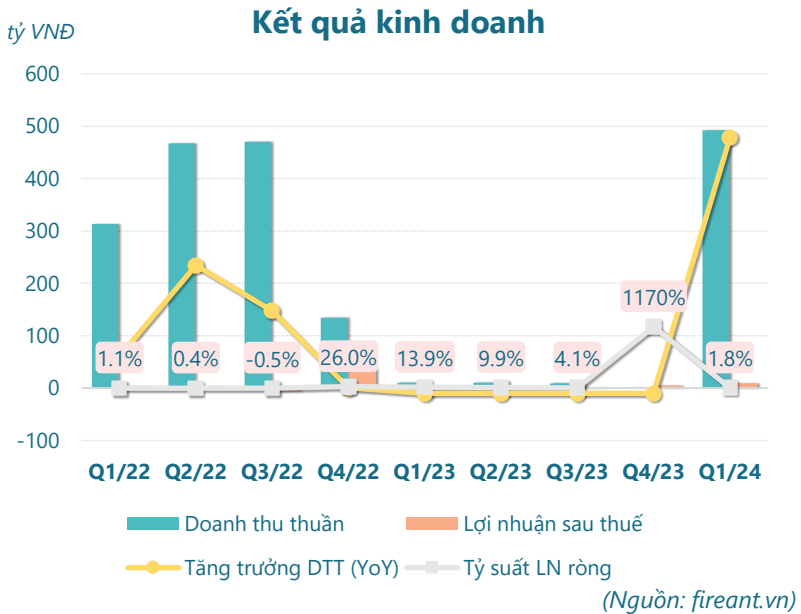
ROE

2023

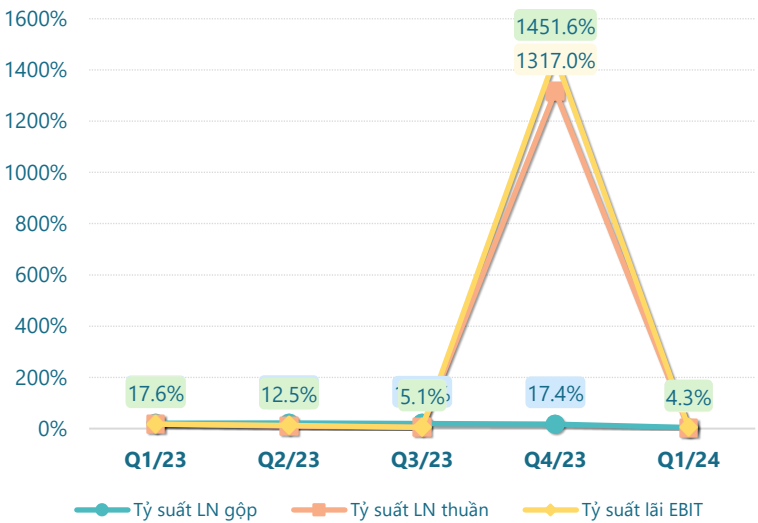
2.3%

+/- YoY: ▼ 12.0%



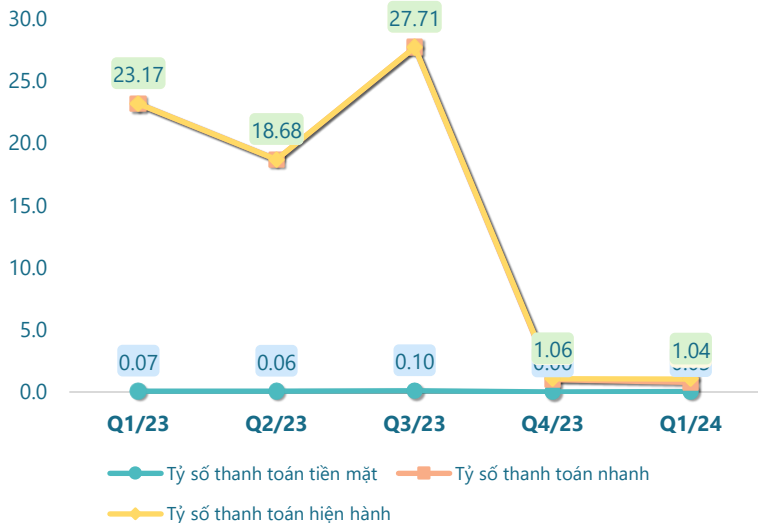


Tỷ suất lợi nhuận



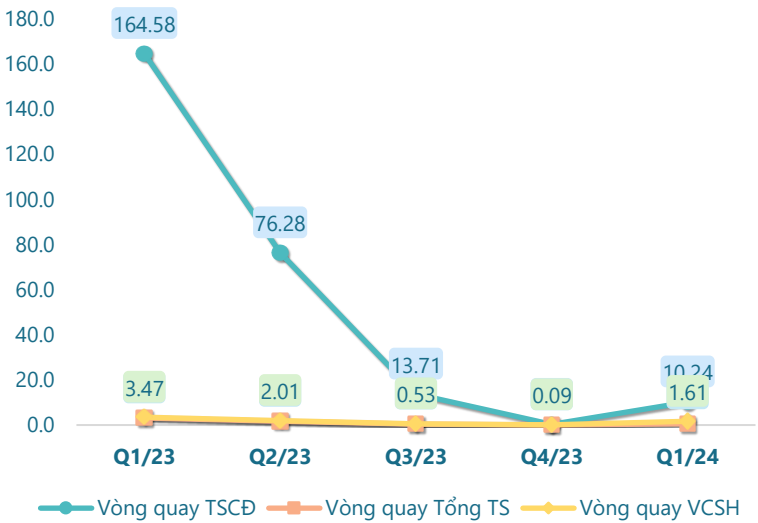
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



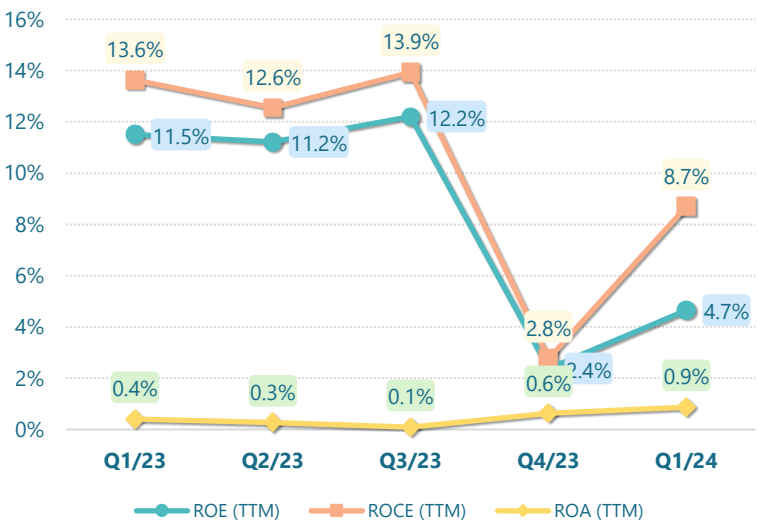
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



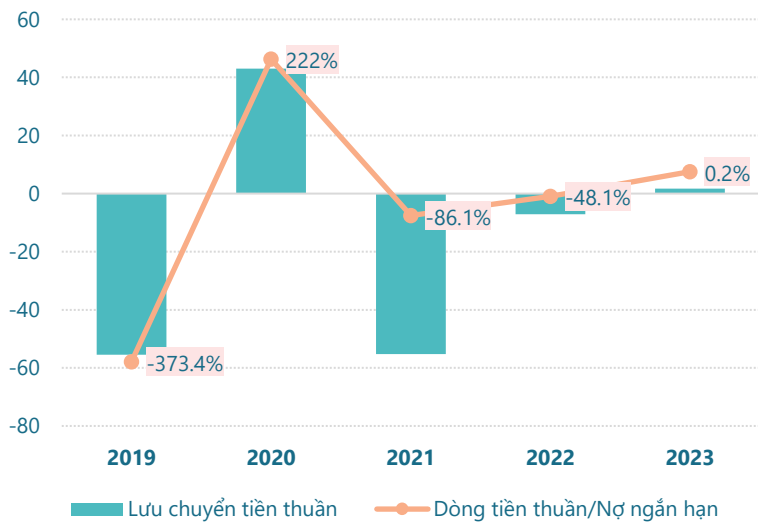
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



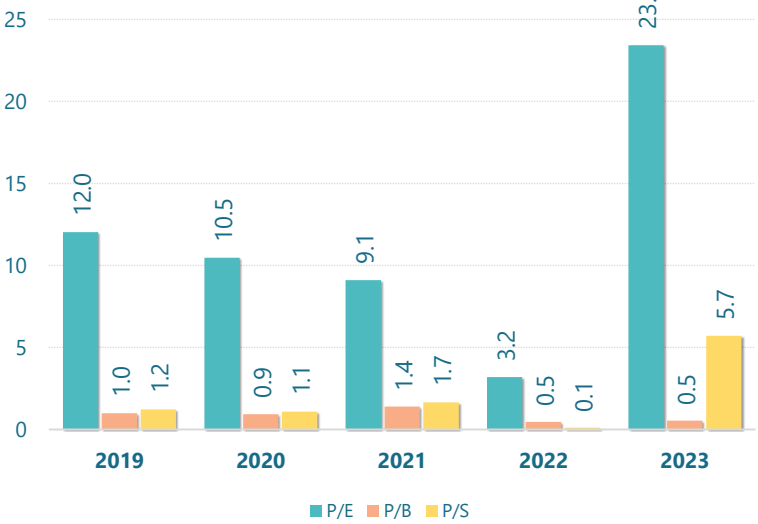
(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

Nhóm chỉ số định giá



(Nguồn: fireant.vn)